

**BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 02/2015/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2015

**THÔNG TƯ****Hướng dẫn về việc công bố thông tin của công ty trách nhiệm hữu hạn  
một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu***Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005;**Căn cứ Nghị định số 116/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;**Căn cứ Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty nhà nước;**Căn cứ Nghị định số 115/2014/NĐ-CP ngày 03 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ giám sát, kiểm tra việc thực hiện chiến lược, kế hoạch, mục tiêu, nhiệm vụ được giao của doanh nghiệp nhà nước;**Căn cứ Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;**Căn cứ Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành về tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước;**Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.***Chương I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG****Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn một số nội dung về công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu theo quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu (sau đây gọi là Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg) và Nghị định số 69/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về tập đoàn kinh tế nhà nước và tổng công ty nhà nước (sau đây gọi tắt là Nghị định số 69/2014/NĐ-CP).

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Đối tượng áp dụng của Thông tư này được quy định tại Điều 2 của Quy chế công bố thông tin hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu ban hành kèm theo Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg (sau đây gọi tắt là doanh nghiệp).

2. Các công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng do Nhà nước làm chủ sở hữu không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. “*Người quản lý doanh nghiệp*” bao gồm Chủ tịch và thành viên Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc Phó Giám đốc, Kế toán trưởng.

2. “*Chiến lược phát triển của doanh nghiệp*” là chiến lược phát triển sản xuất, kinh doanh, đầu tư phát triển thực hiện trong giai đoạn 10 năm của doanh nghiệp.

**Điều 4. Yêu cầu thực hiện công bố thông tin**

1. Việc công bố thông tin phải do người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời và đầy đủ về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố.

2. Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền công bố thông tin, Doanh nghiệp phải gửi thông báo về người được ủy quyền thực hiện công bố thông tin với Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này. Người được ủy quyền công bố thông tin phải là người có thẩm quyền ký, đóng dấu theo quy định nội bộ của Doanh nghiệp.

**Điều 5. Công bố thông tin dưới hình thức dữ liệu điện tử**

Chậm nhất đến ngày 30/6/2015, Doanh nghiệp, Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải thực hiện các công việc sau:

1. Đối với doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp phải thực hiện việc xây dựng, duy trì trang thông tin điện tử, đảm bảo kết nối với trang thông tin điện tử của Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu của doanh nghiệp và Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bussiness.gov.vn>).

b) Trang thông tin điện tử của doanh nghiệp phải có chuyên mục riêng về công bố thông tin, trong đó có các nội dung về Điều lệ doanh nghiệp, Quy chế quản trị doanh nghiệp (nếu có), danh sách Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc, Phó tổng giám đốc hoặc Phó giám đốc, các thông tin phải công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định tại Quyết định số 36/2014/QĐ-TTg.

## 2. Đối với Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu:

Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải thực hiện việc lập, duy trì trang thông tin điện tử của mình, đảm bảo sự kết nối với trang thông tin điện tử của Doanh nghiệp. Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu có trách nhiệm đăng tải công khai thông tin của doanh nghiệp trên trang thông tin điện tử của mình trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi nhận được các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp. Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải chịu trách nhiệm đăng tải công bố thông tin của doanh nghiệp đúng thời gian, đảm bảo các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện.

## 3. Bộ Kế hoạch và Đầu tư:

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) phải thực hiện việc duy trì Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam, đảm bảo sự kết nối với trang thông tin điện tử của Doanh nghiệp. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Phát triển doanh nghiệp) có trách nhiệm đăng tải công khai các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam <http://www.business.gov.vn> trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi nhận được các nội dung công bố thông tin của doanh nghiệp; đảm bảo các thông tin công bố được tiếp cận dễ dàng và thuận tiện. Ngoài các nội dung công bố thông tin bằng văn bản, nội dung công bố thông tin điện tử của doanh nghiệp được gửi đến địa chỉ hòm thư [info@business.gov.vn](mailto:info@business.gov.vn).

# **Chương II** **QUY TRÌNH, NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN** **CỦA DOANH NGHIỆP**

## **Điều 6. Quy trình, nội dung công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp**

### 1. Quy trình công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp phải xây dựng và gửi Chiến lược phát triển của doanh nghiệp đến Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu để xem xét, phê duyệt. Doanh nghiệp phải công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp không muộn hơn ngày 31/5 của năm đầu tiên của kỳ xây dựng chiến lược phát triển doanh nghiệp, đồng thời phải gửi bản Chiến lược này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau được phê duyệt.

b) Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung về chiến lược phát triển được phê duyệt.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bussiness.gov.vn>) trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

## 2. Nội dung công bố Chiến lược phát triển của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp xây dựng Chiến lược phát triển bao gồm các nội dung như định hướng, mục tiêu, quan điểm phát triển; định hướng các nhiệm vụ, nội dung triển khai thực hiện để đạt được các mục tiêu của chiến lược phát triển. Đối với chiến lược có nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu quyết định việc công bố nhằm bảo đảm nội dung bí mật là phù hợp, tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về chiến lược phát triển của doanh nghiệp.

### **Điều 7. Quy trình, nội dung công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp**

1. Quy trình công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp phải xây dựng và gửi Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp đến Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu để xem xét, phê duyệt. Doanh nghiệp phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp không muộn hơn ngày 31/5 của năm đầu tiên của kỳ xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm, đồng thời gửi bản Kế hoạch này đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi được phê duyệt.

b) Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung về Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp được phê duyệt.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bussiness.gov.vn>) trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 05 năm theo Phụ lục 2 kèm theo Thông tư này. Đối với kế hoạch và những nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu quyết định việc công bố nhằm bảo đảm nội dung bí mật là phù hợp, tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về kế hoạch phát triển của doanh nghiệp.

### **Điều 8. Quy trình, nội dung công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của doanh nghiệp**

1. Quy trình công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của doanh nghiệp:

a) Doanh nghiệp phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm không muộn hơn ngày 31/01 của năm thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư, đồng thời gửi bản Kế hoạch này đến Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung được Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty phê duyệt.

b) Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của doanh nghiệp trên Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bussiness.gov.vn>) trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm của doanh nghiệp:

Doanh nghiệp xây dựng Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư hàng năm theo Phụ lục 3 kèm theo Thông tư này. Đối với kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư và những nội dung quan trọng, liên quan hoặc ảnh hưởng đến bí mật và an ninh quốc gia, bí mật kinh doanh, doanh nghiệp báo cáo cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu quyết định việc công bố nhằm bảo đảm nội dung bí mật là phù hợp, tránh lạm dụng các quy định về nội dung bí mật làm hạn chế tính công khai, minh bạch về kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư doanh nghiệp.

### **Điều 9. Quy trình, nội dung công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới hàng năm của doanh nghiệp**

1. Quy trình công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm:

a) Doanh nghiệp phải công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm không muộn hơn ngày 31/01 của năm liền sau năm thực hiện kế hoạch sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp, đồng thời gửi đến Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong vòng năm (05) ngày làm việc sau khi các nội dung về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp được phê duyệt.

b) Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu phải công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

c) Bộ Kế hoạch và Đầu tư phải công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm trên Cổng thông tin doanh nghiệp Việt Nam của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (<http://www.bussiness.gov.vn>) trong vòng năm (05) ngày làm việc tính từ ngày nhận được từ doanh nghiệp.

2. Nội dung công bố Tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm:

Doanh nghiệp xây dựng, Cơ quan thực hiện quyền chủ sở hữu tổng hợp Tình